

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do hạn chế về phạm vi, chúng tôi đã không thể tham gia kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Với những tài liệu hiện có ở Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính hiện hữu của khoản mục tiền, số lượng hàng tồn kho, tài sản cố định tại thời điểm trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.

Ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Mai Việt Thăng

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 3421-2020-176-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ASEAN

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2021

Bùi Đình Đạt

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2471-2019-176-1

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỶ LỢI SÔNG NHUỆĐịa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		77.855.367.776	57.245.276.296
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.432.311.706	8.619.778.667
1. Tiền	111		11.432.311.706	8.619.778.667
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.909.400.441	48.027.476.332
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	63.159.359.100	45.725.298.260
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	164.853.836	200.794.116
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.4	-	296.208.100
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.749.372.705	1.969.361.056
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(164.185.200)	(164.185.200)
IV. Hàng tồn kho	140		455.101.379	573.739.632
1. Hàng tồn kho	141	V.7	455.101.379	573.739.632
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		58.554.250	24.281.665
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	34.272.585	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	24.281.665	24.281.665
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.761.878.768.345	1.630.163.020.291
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.752.354.358.306	1.620.638.610.252
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.752.354.358.306	1.620.638.610.252
<i>Nguyên giá</i>	222		1.864.935.977.252	1.732.081.849.093
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(112.581.618.946)	(111.443.238.841)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.524.410.039	9.524.410.039
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10	9.524.410.039	9.524.410.039
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.839.734.136.121	1.687.408.296.587

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		69.984.216.944	116.337.760.553
I. Nợ ngắn hạn	310		69.984.216.944	116.337.760.553
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	38.167.233.490	26.833.348.991
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	58.573.831	59.317.747
4. Phải trả người lao động	314		14.547.807.188	13.246.518.018
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	2.787.364.798	314.947.100
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	8.245.972.293	74.867.838.414
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	4.935.276.800	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.241.988.544	1.015.790.283
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.769.749.919.177	1.571.070.536.034
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	1.769.749.919.177	1.571.070.536.034
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.580.725.457.690	1.576.521.771.442
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.431.182.170	1.431.182.170
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(6.882.417.578)	(6.882.417.578)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(6.882.417.578)	(6.882.417.578)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		194.475.696.895	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.839.734.136.121	1.687.408.296.587

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Hiền Giang

Lê Thị Hiền Hương



Vũ Mạnh Hùng

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỶ LỢI SÔNG NHUỆĐịa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	170.736.123.695	176.394.379.812
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		170.736.123.695	176.394.379.812
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	145.774.224.696	151.287.887.669
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.961.898.999	25.106.492.143
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	24.965.174	22.179.429
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	250.504.170	139.818.358
Trong đó: chi phí lãi vay	23		250.504.170	139.818.358
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	17.112.117.309	16.578.556.090
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.624.242.694	8.410.297.124
11. Thu nhập khác	31	VI.6	-	13.745.455
12. Chi phí khác	32	VI.7	241.181.786	88.481.256
13. Lợi nhuận khác	40		(241.181.786)	(74.735.801)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.383.060.908	8.335.561.323
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	23.222.419	26.357.174
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7.359.838.489</u>	<u>8.309.204.149</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Hiền Giang

Lê Thị Hiền Hường

Lập ngày 31 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch



Vũ Mạnh Hùng

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆĐịa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		153.185.454.857	168.734.189.468
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(50.341.070.149)	(77.435.047.207)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(62.328.663.826)	(67.427.191.961)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(250.504.170)	(139.818.358)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(31.587.306)	(44.686.355)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.482.212.601	39.295.039.249
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(46.863.550.942)	(61.674.065.205)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.147.708.935)	1.308.419.631
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			13.745.455
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.965.174	22.179.429
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		24.965.174	35.924.884
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		14.531.156.100	4.480.570.728
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.595.879.300)	(4.480.570.728)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.935.276.800	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.812.533.039	1.344.344.515
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.619.778.667	7.275.434.152
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	11.432.311.706	8.619.778.667

Lập ngày 31 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch

Nguyễn Hiền Giang

Lê Thị Hiền Hương

Vũ Mạnh Hùng

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

P. Phúc La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn:** Công ty TNHH Một thành viên 100% vốn nhà nước
- 2. Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, xây dựng và dịch vụ
- 3. Ngành nghề kinh doanh:**
 - *Tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất Nông nghiệp và dân sinh kinh tế;*
 - *Sản xuất, cung cấp nước sạch nông thôn;*
 - *Tư vấn thiết kế, xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi;*
 - *Xây dựng dân dụng, nông nghiệp và phát triển nông thôn;*
 - *Gia công cơ khí, sửa chữa, thiết bị cơ điện, thiết bị thủy lợi;*
 - *Dịch vụ du lịch, dịch vụ sinh thái.*

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

P. Phúc La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

Phải thu khách hàng: Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.

Phải thu khác: Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về thuế TNCN của nhân viên, phải thu chờ ngân sách cấp...).

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.
- Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên (thời gian quá hạn được xác định căn cứ vào hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) được trích lập dự phòng theo tỷ lệ như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

- Các khoản phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn: Trích lập dự phòng trên cơ sở dự kiến mức tổn thất không thu hồi được.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

P. Phúc La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Các khoản nợ phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm, Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán: Công ty xóa nợ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Số nợ này được theo dõi trong hệ thống quản trị và trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty thu lại được số nợ đã xử lý xóa sổ trước đó thì số thu được sẽ ghi nhận vào thu nhập khác trong kỳ.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	08 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Theo thông tư 147/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài Chính từ 01/01/2016 đến nay Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với toàn bộ tài sản cố định phục vụ sản xuất, chỉ thực hiện trích khấu hao đối với tài sản cố định phục vụ công tác quản lý.

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
P. Phúc La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

8. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu Công ty.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

9. Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo Thông tư 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Theo Điểm 2 Điều 8 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp thì thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ thủy lợi được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp.

11. Ghi nhận doanh thu và doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể lẫn nhau.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	293.591.317	339.653.570
Tiền gửi ngân hàng	11.138.720.389	8.280.125.097
Cộng	11.432.311.706	8.619.778.667

2. Phải thu khách hàng**Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ban Quản lý dịch vụ Thủy Lợi	56.167.956.700	41.322.786.625
Công ty-KTCT Thủy lợi Duyệt Tiên	1.994.426.700	1.994.426.700
Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Kim Bảng	1.096.631.000	1.096.631.000
Công ty TNHH MTV ĐTPT Thủy lợi Sông Đáy	3.057.821.360	437.411.980
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	842.523.340	874.041.955
Cộng	63.159.359.100	45.725.298.260

3. Trả trước cho người bán**Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công Ty TNHH Thương Mại & Xây Lắp Điện Việt Nhật	37.414.046	37.414.046
Trung tâm KH và triển khai kỹ thuật thủy lợi	31.495.000	31.495.000
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	640.390	20.364.670
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và TM Lạc Việt	16.101.000	16.101.000
Công ty CP Tư vấn & XDCT Thủy lợi Thủy điện	18.389.000	18.389.000
Các đối tượng khác	60.814.400	77.030.400
Cộng	164.853.836	200.794.116

4. Phải thu nội bộ ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
CN Công ty Thủy lợi Sông Nhuệ - Xi nghiệp Tư vấn xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	296.208.100
Cộng	-	296.208.100

5. Phải thu khác**Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu chờ ngân sách cấp	-	419.859.525
Thuế TNCN phải thu người lao động	30.475.057	26.709.673
Phải thu kinh phí tài sản cố định đã thanh lý	89.977.500	89.977.500
Phải thu lương của người lao động	313.369.984	313.369.984
Phải thu tiền điện	115.941.827	553.050.085
Tạm ứng	20.102.100	120.824.100
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	1.692.726.000	-
Phải thu khác	486.780.237	445.570.189
Cộng	2.749.372.705	1.969.361.056

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỶ LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản, vật tư	-	13.745.455
Cộng	-	13.745.455

7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi chậm nộp BHXH	229.053.636	52.490.573
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	35.964.867
Chi phí khác	12.128.150	25.816
Cộng	241.181.786	88.481.256

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	88.619.892.055	89.299.210.589
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.075.545.283	1.283.369.366
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.262.866.909	1.068.159.985
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.369.460.391	65.042.077.314
Chi phí khác bằng tiền	10.558.577.367	11.173.626.505
Cộng	162.886.342.005	167.866.443.759

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	23.222.419	26.357.174
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	23.222.419	26.357.174

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Ban Giám đốc	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền lương, thưởng và phụ cấp	1.464.000.000	906.612.500

3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có bất kỳ yếu tố nào đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn ASEAN.

Người lập biểu

Kế toán trưởng






Lê Thị Hiền Hương



Lập ngày 31 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch


 Vũ Mạnh Hùng

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆĐịa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Phụ lục 1: Nợ xấu****Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Các khoản phải thu, cho vay ngắn hạn						
HTX Nông nghiệp Hòa Phú Ứng Hòa (Nợ đọng thủy lợi phí)	164.185.200	164.185.200	-	164.185.200	164.185.200	-
Cộng	164.185.200	164.185.200	-	164.185.200	164.185.200	-

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆĐịa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Phụ lục 2: Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Cộng</i>
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.283.254.132.148	421.383.494.887	26.330.523.028	1.113.699.030	1.732.081.849.093
Tăng do được cấp	102.218.969.300	28.346.000.000	1.034.000.000	-	131.598.969.300
Tăng do đầu tư xây dựng hoàn thành	1.636.026.700	-	-	611.950.300	2.247.977.000
Tăng khác	-	1.449.934.111	-	-	1.449.934.111
Giảm do thanh lý	(77.201.804)	(868.331.337)	-	(47.285.000)	(992.818.141)
Giảm khác	(259.639.905)	-	(1.179.534.176)	(10.760.030)	(1.449.934.111)
Số cuối năm	1.386.772.286.439	450.311.097.661	26.184.988.852	1.667.604.300	1.864.935.977.252
Hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	50.296.741.096	52.965.331.534	7.922.723.211	258.443.000	111.443.238.841
Khấu hao trong năm	1.039.097.209	-	106.010.000	117.759.700	1.262.866.909
Tăng khác	-	127.597.354	-	-	127.597.354
Thanh lý, nhượng bán	(77.201.804)	-	-	(47.285.000)	(124.486.804)
Giảm khác	(110.778.088)	-	(16.819.266)	-	(127.597.354)
Số cuối năm	51.147.858.413	53.092.928.888	8.011.913.945	328.917.700	112.581.618.946
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.232.957.391.052	368.418.163.353	18.407.799.817	855.256.030	1.620.638.610.252
Số cuối năm	1.335.624.428.026	397.218.168.773	18.173.074.907	1.338.686.600	1.752.354.358.306

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆĐịa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Phụ lục 3: Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>Cộng</i>
Số dư đầu năm trước	1.330.235.127.873	1.431.182.170	(6.882.417.578)	-	1.324.783.892.465
Tăng Vốn trong năm trước	246.320.916.154	-	-	-	246.320.916.154
Lợi nhuận năm trước	-	-	8.309.203.772	-	8.309.203.772
Phân phối quỹ	-	-	(8.309.203.772)	-	(8.309.203.772)
Giảm khác	(34.272.585)	-	-	-	(34.272.585)
	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	1.576.521.771.442	1.431.182.170	(6.882.417.578)	-	1.571.070.536.034
Số dư đầu năm nay	1.576.521.771.442	1.431.182.170	(6.882.417.578)	-	1.571.070.536.034
Tăng vốn năm nay	5.037.745.000	-	-	194.475.696.895	199.513.441.895
Tăng khác	34.272.585	-	-	-	34.272.585
Lợi nhuận năm nay	-	-	7.359.838.489	-	7.359.838.489
Phân phối quỹ	-	-	(7.359.838.489)	-	(7.359.838.489)
Giảm do thanh lý tài sản	(868.331.337)	-	-	-	(868.331.337)
Số dư cuối năm nay	1.580.725.457.690	1.431.182.170	(6.882.417.578)	194.475.696.895	1.769.749.919.177

b. Tình hình góp vốn điều lệ như sau

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn đầu tư của Nhà Nước	1.580.725.457.690	1.576.521.771.442
Cộng	3.161.450.915.380	1.577.952.953.612